



HƯỚNG TỚI SỰ CHUẨN MỰC
AIM FOR A PREMIER BANKING

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2010**
Annual report

MỤC LỤC

04
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

06
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

08
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

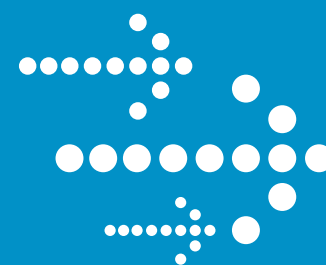
12
MÔ HÌNH TỔ CHỨC

18
CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

22
NGÂN HÀNG BÁN LẺ

26
NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP

30
KINH DOANH TIỀN TỆ



32
QUẢN TRỊ RỦI RO

36
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

38
TÁC NGHIỆP TẬP TRUNG

40
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

42
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

46
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

52
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2010 CÓ THUYẾT MINH



TẦM NHÌN

Xác định tầm nhìn 2015 là “trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu về chủng loại sản phẩm và chất lượng dịch vụ”.

SỨ MỆNH

Xây dựng một ngân hàng hiện đại, đề cao tính chuẩn mực trong quản trị điều hành và hoạt động, đảm bảo mức độ cao nhất về chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng thông qua đó tạo giá trị gia tăng bền vững cho cổ đông, lợi ích dài hạn cho nhân viên và thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chuẩn mực toàn diện

BAOVIET Bank hướng tới những chuẩn mực để xây dựng một ngân hàng hiện đại, đó là chuẩn mực về mô hình tổ chức, mô thức quản trị, chuẩn mực về công nghệ, chuẩn mực về dịch vụ ngân hàng và chuẩn mực về môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Sáng tạo không ngừng

BAOVIET Bank coi sáng tạo là chìa khóa của thành công trong môi trường kinh doanh ngân hàng đầy cạnh tranh và biến động. Là một ngân hàng mới đi vào hoạt động, yếu tố “sáng tạo”, sự năng

động sẽ giúp BAOVIET Bank tạo ra những bước tiến cần thiết trong quá trình phát triển của mình, đảm bảo cạnh tranh hiệu quả.

Hiệu quả bền vững

BAOVIET Bank ưu tiên cho các nỗ lực, những đóng góp thiết thực để tạo ra hiệu quả bền vững. Ngoài việc đặt ra những mục tiêu hiệu quả mang tính áp lực cao cho hoạt động kinh doanh của mình, BAOVIET Bank thực sự coi trọng việc đánh giá đúng rủi ro và xây dựng nguồn lực, năng lực cần thiết cho việc duy trì hiệu quả bền vững cho nhiều năm tiếp theo.

Đồng lòng chia sẻ

BAOVIET Bank đề cao tính hợp tác, sự đồng lòng, ý thức xây dựng niềm tin trong các mối quan hệ nội bộ cũng như các giao dịch với đối tác khác nhau. BAOVIET Bank tin tưởng vào sự thành công của một tập thể có năng lực và biết hợp tác, chia sẻ; Kết quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào khả năng am hiểu các đối tác, bạn hàng, từ đó có thể cùng đưa các giải pháp phù hợp, tạo lập trên cơ sở sự tin tưởng giữa các bên.

Hoạt động với phương châm “Niềm tin vững chắc, cam kết vững bền”, Ban lãnh đạo cùng tập thể đội ngũ nhân viên của BAOVIET Bank cam kết cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng với chất lượng tốt nhất trong từng khâu phục vụ dựa trên nền tảng công nghệ quản trị ngân hàng đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đối tác, cổ đông và toàn xã hội.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

BAOVIET Bank đã tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đầu tư công nghệ, phát triển mạng lưới, đẩy mạnh phát triển sản phẩm và tăng trưởng qui mô hoạt động, hướng đến hiệu quả và an toàn.

Hội đồng Quản trị BAOVIET Bank thường xuyên tham gia và nắm bắt kịp tình hình hoạt động của Ngân hàng cũng như đưa ra các định hướng, giải pháp để giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chiến lược phát triển của Ngân hàng và đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Kính thưa các Quý vị,

Năm 2010, nền kinh tế Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực của sự tăng trưởng với mức tăng GDP 6,78%, xuất khẩu đạt 71,6 tỷ USD tăng 25,5%, mức nhập siêu do vậy giảm 5,2% so với năm 2009; FDI thực hiện ở mức 11 tỷ USD, tăng 10%. Cho dù nền kinh tế có những chuyển biến tích cực nhưng nỗi lo lạm phát cao luôn thường trực và thực tế là chỉ số CPI đã không được kiểm soát trong giới hạn 8% như mong muốn mà đã vượt lên mức hai con số 11,75%. Hoạt động của hệ thống ngân hàng diễn ra tương đối khả quan với mức tăng trưởng tín dụng 27,65%, huy động vốn tăng 24,5%, tổng phương tiện thanh toán tăng 23,04%. Kinh tế tăng trưởng tạo ra các cơ hội phát triển cho các ngân hàng nhưng các doanh nghiệp và hệ thống ngân hàng trong năm phải đối mặt với những bất ổn của lãi suất và tỷ giá, ảnh hưởng bất lợi đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Sang năm thứ hai hoạt động, BAOVIET Bank đã có một nền tảng nhất định về thị phần khách hàng và quy mô hoạt động. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh thị trường còn nhiều bất ổn, áp lực cạnh tranh cao đã gây nên nhiều khó khăn đối với một ngân hàng mới đi vào hoạt động. Do đó, BAOVIET Bank đã tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đầu tư công nghệ, phát triển mạng lưới, đẩy mạnh phát triển sản phẩm và tăng trưởng qui mô hoạt động, hướng đến hiệu quả và an toàn.

Hội đồng Quản trị BAOVIET Bank thường xuyên tham gia và nắm bắt kịp tình hình hoạt động của Ngân hàng cũng như đưa ra các định hướng, giải pháp để giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chiến lược phát triển của Ngân hàng và đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh. Với tổng tài sản đạt 13.717 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 176,8 tỷ đồng, tổng huy động 7.291 tỷ đồng và dư nợ cho vay đạt 5.615 tỷ đồng, BAOVIET Bank đã hoàn thành và vượt tất cả các chỉ tiêu đề ra.

Bước sang năm 2011, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 và những quy định của NHNN về hoạt động của Ngân hàng trong thời gian tới. Đặc biệt, về giới hạn chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ tín dụng không được vượt quá 20% thì đối với Ngân hàng nhỏ và mới thành lập như BAOVIET Bank sẽ đối diện với những khó khăn nhất định. Do vậy BAOVIET Bank đã đề ra một số mục tiêu hoạt động cho năm 2011 như sau:

Thứ nhất, hoàn tất việc tăng vốn điều lệ để đảm bảo được mức vốn pháp định theo các quy định hiện hành;

Thứ hai, xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, ổn định nhưng vẫn tuân thủ quy định chung của Ngân hàng Nhà nước;

Thứ ba, tiếp tục ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, tập trung cho công tác đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng văn hóa doanh nghiệp và các chính sách đãi ngộ phù hợp;

Thứ tư, đánh giá và hoàn chỉnh các sản phẩm đã và đang triển khai, đặc biệt là các sản phẩm về bán lẻ truyền thống, các sản phẩm bancassurance để nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị và tiện ích cho khách hàng;

Thứ năm, tăng cường năng lực quản trị rủi ro trong quản lý, điều hành hoạt động ngân hàng và phát huy vai trò của hệ thống kiểm toán nội bộ, tạo điều kiện tốt nhất để Ban kiểm soát hoạt động hiệu quả nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các cổ đông;

Thứ sáu, củng cố và phát huy hơn nữa vai trò của bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị gồm: các Ủy Ban trực thuộc và Ban Thư ký Hội đồng Quản trị để các công việc được triển khai một cách nhanh chóng và có chất lượng hơn;

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe, lời cảm ơn chân thành nhất tới các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng đã song hành cùng BAOVIET Bank trong suốt thời gian qua. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, nhân viên BAOVIET Bank sẽ không ngừng học hỏi, đoàn kết sáng tạo, quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh để gia tăng giá trị cho Cổ đông và mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và hợp tác của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng cùng với Quý cơ quan quản lý Nhà nước trong thời gian tới.

Nguyễn Thị Phúc Lâm
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2010, BAOVIET Bank đã đạt được sự tăng trưởng ấn tượng so với năm 2009 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản: Tổng tài sản đạt 13.717 tỷ đồng, tăng trưởng 88%. Huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 7.291 tỷ đồng, tăng 107%. Tổng dư nợ tín dụng đạt 5.615 tỷ đồng, tăng gần 150%. Lợi nhuận trước thuế đạt 176,8 tỷ đồng, tăng 131% so với năm 2009. Trong năm 2010, BAOVIET Bank đã thành lập và đưa vào hoạt động thêm 15 điểm giao dịch, bao gồm 5 Chi nhánh và 10 Phòng giao dịch (PGD), nâng tổng số điểm giao dịch của BAOVIET Bank lên con số 26 điểm trên cả nước.

Kính thưa các Quý vị,

Bước vào năm thứ hai hoạt động, BAOVIET Bank đã có một nền tảng nhất định ban đầu. Tuy nhiên, một ngân hàng mới hoạt động trong hoàn cảnh thị trường còn nhiều bất ổn, áp lực cạnh tranh cao, chắc chắn sẽ gặp nhiều thách thức. BAOVIET Bank đã tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, đầu tư công nghệ, phát triển mạng lưới, đẩy mạnh phát triển sản phẩm và tăng trưởng qui mô hoạt động, hướng đến hiệu quả và an toàn.

Trong năm 2010, BAOVIET Bank đã đạt được sự tăng trưởng ấn tượng so với năm 2009 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản: Tổng tài sản đạt 13.717 tỷ đồng, tăng trưởng 88%. Huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 7.291 tỷ đồng, tăng 107%. Tổng dư nợ tín dụng đạt 5.615 tỷ đồng, tăng gần 150%. Lợi nhuận trước thuế đạt 176,8 tỷ đồng, tăng 131% so với năm 2009. Trong năm 2010, BAOVIET Bank đã thành lập và đưa vào hoạt động thêm 15 điểm giao dịch, bao gồm 5 Chi nhánh và 10 PGD, nâng tổng số điểm giao dịch của BAOVIET Bank lên con số 26 điểm trên cả nước.

Trong năm 2011, từ góc nhìn của các Ngân hàng thương mại, thị trường tiền tệ vẫn còn nhiều bất ổn, căng thẳng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng gia tăng, lãi suất vẫn sẽ ở mức cao trong 6 tháng đầu năm, thị trường ngoại hối có thể được cải thiện nhờ những chính sách và giải pháp quyết liệt của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) song vẫn chưa thể có được một sự ổn định bền vững do thâm hụt thương mại triền miên. Trong hoàn cảnh khó khăn chung của thị trường tiền tệ và thực hiện chủ trương của Chính phủ và NHNN về việc hạn chế tín dụng để chống lạm phát, BAOVIET Bank sẽ tập trung ổn định tổ chức, kiện toàn bộ máy và cơ chế hoạt động, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ, tiếp tục phát triển mạng lưới, đẩy mạnh huy động vốn. BAOVIET Bank đặt ra một số định hướng kinh doanh cơ bản cho năm 2011 như sau:

Tập trung nguồn lực, đẩy mạnh huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng tín dụng và tăng qui mô tổng tài sản;

Tăng trưởng tín dụng một cách thận trọng, ưu tiên tín dụng ngắn hạn, chú trọng hướng tới các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu để khai thác các cơ hội cung cấp dịch vụ, mua bán ngoại tệ nhằm gia tăng nguồn thu phí dịch vụ của ngân hàng;

Tiếp tục phát triển cho vay cá nhân ở mọi đơn vị kinh doanh với nguyên tắc an toàn và hiệu quả cao;

Tích cực và năng động trong hoạt động kinh doanh tiền tệ, sử dụng mọi phương tiện và quan hệ đối tác để gia tăng nguồn thu từ hoạt động liên ngân hàng, thị trường mở, kinh doanh trái phiếu, repo, ngoại hối v.v.;

Tạo sự bứt phá về hoạt động kinh doanh thẻ và ngân hàng điện tử, kết hợp sản phẩm thẻ, tiện ích ngân hàng điện tử để tạo ra các gói sản phẩm phù hợp nhằm đẩy mạnh doanh số và tăng trưởng số lượng khách hàng;

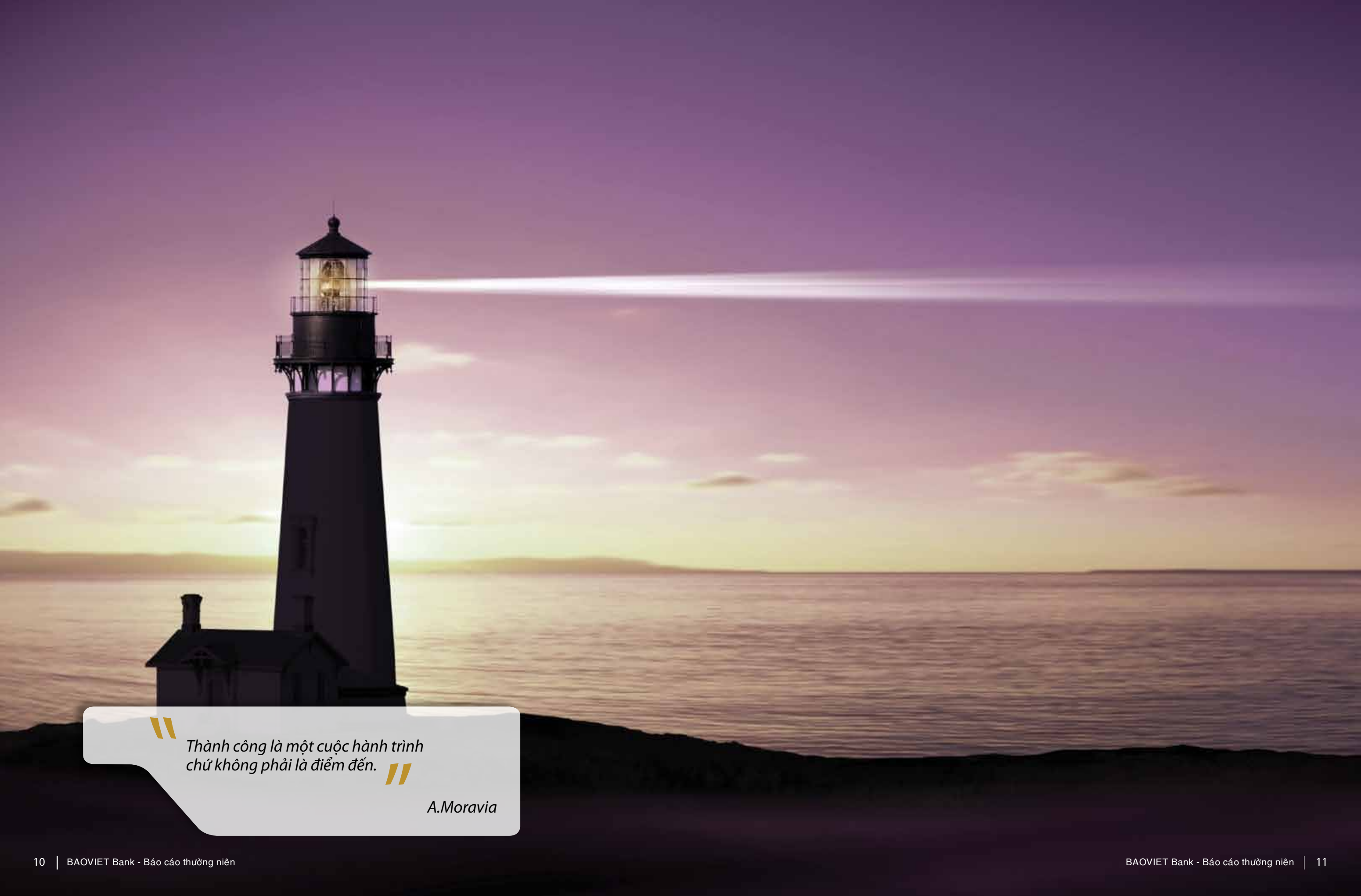
Xây dựng chiến lược và cơ chế hợp lý để tạo sự tăng trưởng mạnh mẽ về doanh số bancassurance;

Hợp tác hiệu quả hơn với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt để khai thác các lợi thế của nhau đặc biệt là nền tảng khách hàng, tăng hiệu quả bán chéo sản phẩm;

Phát huy vai trò chỉ đạo của hai Khối kinh doanh (Ngân hàng Doanh nghiệp và Ngân hàng Bán lẻ) để hình thành rõ nét mô hình quản lý tập trung trong quản lý kinh doanh để gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh NHDN và NHBL trong toàn hệ thống;

Đẩy mạnh marketing và truyền thông để nâng cao sự nhận biết của thị trường đối với BAOVIET Bank, quảng bá hình ảnh BAOVIET Bank, phát triển thương hiệu và hỗ trợ phát triển kinh doanh.

Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc



“ Thành công là một cuộc hành trình
chứ không phải là điểm đến. ”

A.Moravia

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên:



Bà NGUYỄN THỊ PHÚC LÂM
Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Thạc sĩ Kinh tế



Ông TRƯƠNG MỘC LÂM
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học chuyên ngành Kinh tế



Ông LÊ TRUNG HƯNG
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Cử nhân Kinh tế



Bà NGÔ THỊ THU TRANG
Ủy viên Hội đồng Quản trị - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Ông DƯƠNG ĐỨC CHUYỂN
Ủy viên Hội đồng Quản trị - Thạc sĩ Tài chính



Ông TÔN QUỐC BÌNH
Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tiến sĩ Tin học



Ông NGUYỄN ĐĂNG DIỆM
Thành viên độc lập - Cử nhân Kinh tế Hàng hải

Hội đồng quản trị BAOVIET Bank quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch hàng năm của ngân hàng. Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề tổ chức, bộ máy điều hành của toàn ngân hàng; đưa ra các quyết định về thành lập các đơn vị thuộc BAOVIET Bank; ban

hành các quy chế về tổ chức, quản trị và hoạt động trong ngân hàng theo đúng điều lệ của BAOVIET Bank đã được Thống đốc NHNN chuẩn y theo quyết định số 3130/QĐ-NHNN ngày 16/12/2008.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của BAOVIET Bank hội tụ các thành viên được đào tạo căn bản trong và ngoài nước, từng đảm nhận những vị trí quan trọng tại các định chế tài chính có uy tín tại Việt Nam.

Ban Điều hành của BAOVIET Bank gồm 7 thành viên:



Ông PHAN ĐÀO VŨ
Tổng Giám đốc - Cử nhân Kinh tế - Thạc sĩ QTKD



Ông VŨ ĐỨC NHUẬN
Giám đốc Khối Quản lý rủi ro
Cử nhân Kinh tế - Thạc sĩ Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm



Ông TÔN QUỐC BÌNH
Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin
Tiến sĩ tin học



Bà NGUYỄN THỊ NGUYỆT THU
Giám đốc Khối Kinh doanh Tiền tệ
Cử nhân Kinh tế - Thạc sĩ ngân hàng TC



Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN
Giám đốc Sở giao dịch
Cử nhân Luật - Thạc sĩ QTKD



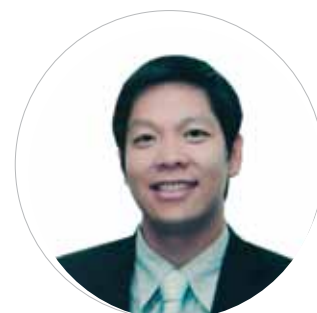
Ông TRƯƠNG VĂN HUỖNH
Giám đốc BAOVIET Bank Tp.HCM
Cử nhân Kinh tế - Cử nhân Luật



Bà VŨ THỤC QUYÊN
Kế toán trưởng - Cử nhân Kinh tế

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của BAOVIET Bank gồm 3 thành viên:



Ông LÊ THANH SƠN
Trưởng Ban Kiểm soát - Cử nhân Kinh tế



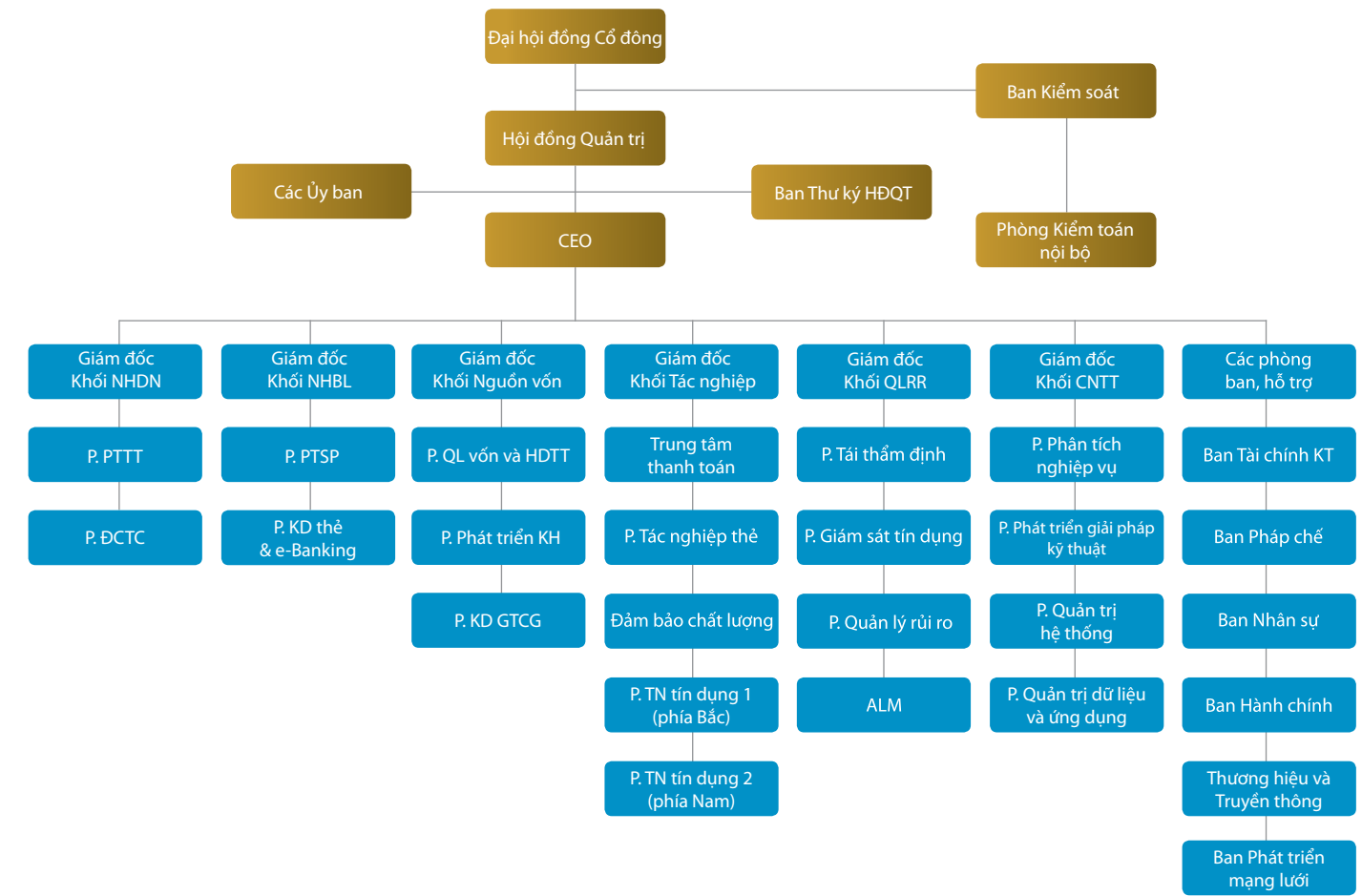
Bà LÊ ANH PHƯƠNG
Thành viên chuyên trách - Cử nhân Kinh tế

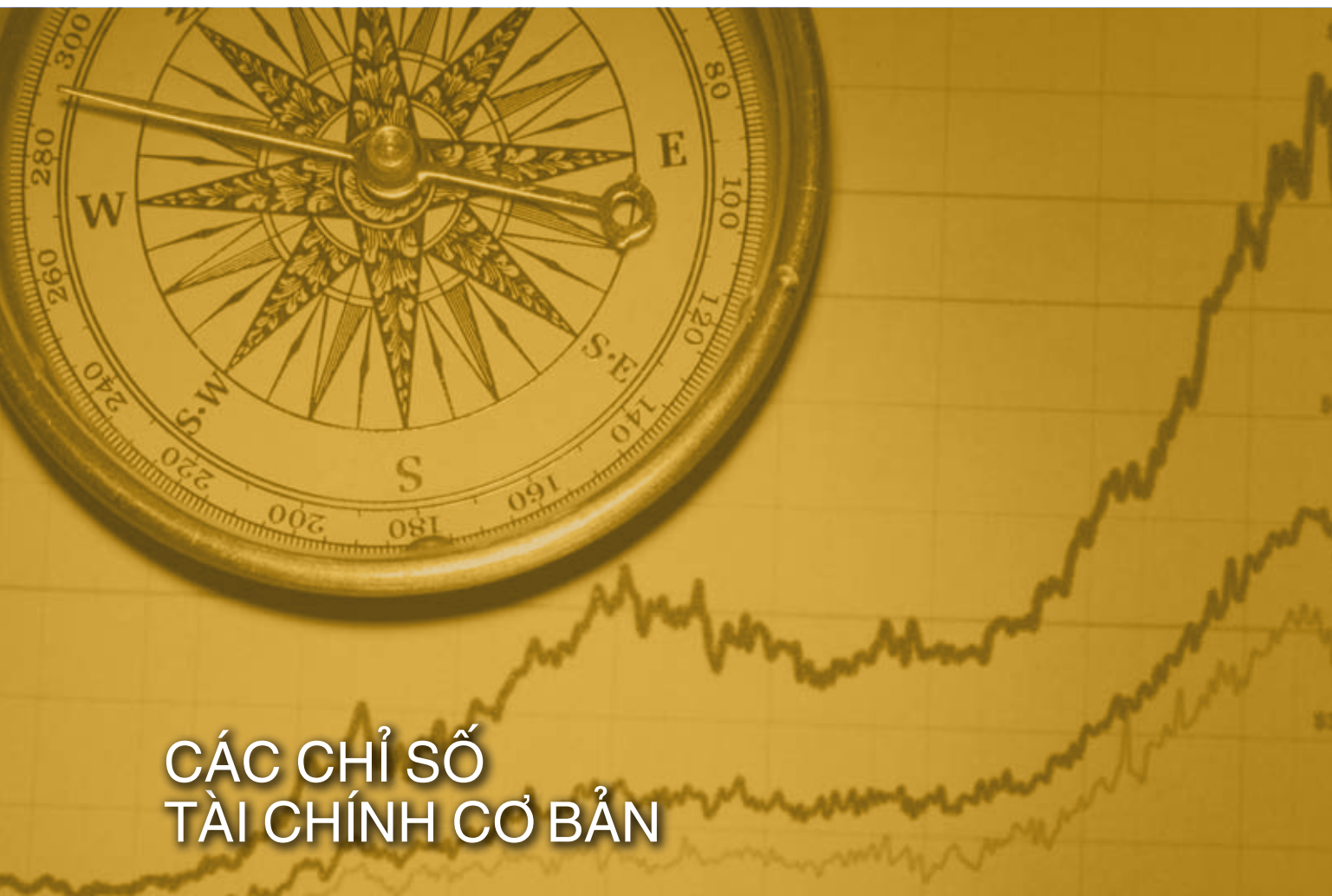


Ông TRẦN HOÀI PHƯƠNG
Thành viên chuyên trách - Cử nhân Kinh tế

MÔ HÌNH
 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
 QUẢN LÝ RỦI RO BỀN VỮNG MÔ HÌNH
 MÔ HÌNH BẢO ĐẢM TỔ CHỨC
 TỔ CHỨC BỀN VỮNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
 QUẢN LÝ RỦI RO MÔ HÌNH ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG
 MÔ HÌNH TỔ CHỨC TĂNG TRƯỞNG TỔ CHỨC
 PHÁT TRIỂN ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG MÔ HÌNH
 ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG TỔ CHỨC BỀN VỮNG TỔ CHỨC
 MÔ HÌNH MÔ HÌNH MÔ HÌNH
 TỔ CHỨC TỔ CHỨC MÔ HÌNH MÔ HÌNH MÔ HÌNH
 MÔ HÌNH MÔ HÌNH MÔ HÌNH MÔ HÌNH MÔ HÌNH
 TỔ CHỨC MÔ HÌNH TỔ CHỨC MÔ HÌNH MÔ HÌNH
 BẢO ĐẢM TỔ CHỨC TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO
 ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH MÔ HÌNH
 MÔ HÌNH BỀN VỮNG MÔ HÌNH MÔ HÌNH
 TỔ CHỨC MÔ HÌNH TỔ CHỨC BẢO ĐẢM
 BỀN VỮNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI MÔ HÌNH
 MÔ HÌNH BẢO ĐẢM MÔ HÌNH TỔ CHỨC
 TỔ CHỨC ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN TĂNG TRƯỞNG
 ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG
 MÔ HÌNH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC - HỘI SỞ CHÍNH





CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị: tỷ VNĐ

| Tiêu chí tài chính | Thực hiện 2009 | Kế hoạch 2010 | Thực hiện 2010 | Tỷ lệ hoàn thành so với KH | Tăng trưởng so với 2009 | Kế hoạch 2011 |
|------------------------|----------------|---------------|----------------|----------------------------|-------------------------|---------------|
| Vốn điều lệ | 1.500 | 1.500 | 1.500 | | | 3.150 |
| Tổng tài sản | 7.270 | 12.772 | 13.717 | 107% | 189% | 19.000 |
| Huy động vốn | 3.514 | 7.026 | 7.291 | 104% | 207% | 10.000 |
| Tín dụng | 2.250 | 4.968 | 5.615 | 112% | 248% | 6.700 |
| Doanh số Bancassurance | 1,4 | 8,6 | 11,2 | 130% | 800% | 33 |
| Tài trợ Thương mại | 514 | 2.000 | 2.166 | 108% | 421% | 4.000 |
| LNTT | 76 | 135 | 176,8 | 131% | 233% | 200 |
| LNST | 63 | 101 | 133 | 131% | 211% | 150 |

CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI VÀ AN TOÀN VỐN

| Tiêu chí tài chính | Thực hiện 2009 | Kế hoạch 2010 | Thực hiện 2010 |
|-------------------------|----------------|---------------|----------------|
| ROA | 0,87% | 1,40% | 0,97% |
| ROE | 4,03% | 6,15% | 8,07% |
| Hệ số an toàn vốn (CAR) | 35,20% | | 21,00% |





NGÂN HÀNG BÁN LẺ



Năm 2010, do chịu tác động từ những bất ổn của nền kinh tế thời kỳ sau khủng hoảng, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Bán lẻ luôn phải đối mặt với nhiều biến động, cạnh tranh quyết liệt đặc biệt về lãi suất huy động vốn. Tuy nhiên, nhờ thực hiện linh hoạt, tích cực và chủ động trong công tác quản lý kinh doanh, hệ thống bán lẻ đã vận hành theo đúng mục tiêu phát triển lâu dài, ổn định và tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đến 31.12.2010, tổng huy động vốn của Khối Ngân hàng Bán lẻ đạt 1.494 tỷ đồng, tăng gấp 3,6 lần năm 2009 và hoàn thành 105% kế hoạch. Dư nợ tín dụng đạt 998 tỷ đồng, tăng hơn gấp 2 lần năm 2009 và hoàn thành 153 kế hoạch. Doanh số bán bảo hiểm qua ngân hàng (Bancassurance) đạt 4,4 tỷ đồng tăng hơn gấp 4 lần năm 2009 và hoàn thành 87% kế hoạch. Gần 6.000 thẻ ghi nợ đã được phát hành phục vụ trên 12.000 đối tượng khách hàng.

| Chi tiêu | Thực hiện 2009 | Kế hoạch 2010 | Thực hiện 2010 | Tăng trưởng so với 2009 | Thực hiện so với KH 2010 |
|---------------------------|----------------|---------------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| Huy động vốn (tr. đ) | 415.470 | 1.423.000 | 1.494.605 | 360% | 105% |
| Tín dụng (tr. đ) | 428.300 | 654.000 | 998.171 | 233% | 153% |
| Bancassurance (tr. đ) | 823 | 4.430 | 3.847 | 467% | 87% |
| Thẻ ghi nợ | - | 41.680 | 5.870 | - | 14% |
| Số lượng khách hàng (CIF) | 2.519 | 43.000 | 12.323 | 489% | 29% |

CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của khách hàng, trong năm 2010 Khối Ngân hàng Bán lẻ đã nhanh chóng triển khai ra thị trường 13 sản phẩm mới, nâng tổng số lên 28 sản phẩm, bao gồm các sản phẩm truyền thống cũng như các sản phẩm mới như Bancassurance, thẻ, các sản phẩm gắn với tiện ích e-Banking ... Thông qua hợp tác với Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt, các sản phẩm Bancassurance đã được phát triển cả về số lượng và chất lượng, nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu về vay vốn và bảo hiểm của khách hàng mục tiêu, tăng thu dịch vụ và hạn chế rủi ro đối với hoạt động tín dụng cá nhân. Hệ thống ATM của BAOVIET Bank đã kết nối thành công với các liên minh thẻ Banknetvn và VNBC, bảo đảm cho thẻ BVLink của BAOVIET Bank có thể rút tiền ở tất cả các ATM, thanh toán qua tất cả POS của các ngân hàng Việt Nam và ngược lại.

Việc điều hành lãi suất huy động thường xuyên bám sát biến động thị trường; kết hợp nhịp nhàng chính sách lãi suất và các chính sách chăm sóc khách hàng để tăng chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Hoạt động tín dụng luôn linh hoạt trong chính sách cho vay, chú trọng đến nhu cầu vay vốn của từng nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu với chính sách lãi suất cho vay luôn ổn định, phù hợp với nhu cầu của thị trường. Hoạt động Bancassurance có định hướng rõ ràng trên toàn hệ thống ngân hàng bán lẻ, trực tiếp bán hàng đến từng phòng giao dịch. Khối Ngân hàng Bán lẻ đã chủ động phối hợp với đối tác bảo hiểm để xây dựng, triển khai các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, các chương trình thi đua bán hàng.

Các chương trình, chiến dịch marketing bán lẻ được xây dựng, triển khai một cách chủ động và linh hoạt. Trọng tâm của hoạt động marketing luôn hướng đến khách hàng, đáp ứng yêu cầu mở rộng mạng lưới, phát triển khách hàng, triển khai các kênh phân phối mới hiện đại như ATM, SMS Banking, Internet Banking, Mobile Banking, Call Center. Song song với việc phát triển mạng lưới kinh doanh của BAOVIET Bank tại các tỉnh thành như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Đắk Lắk, Cần Thơ và Hải Phòng, các hoạt động marketing được triển khai tương ứng nhằm thu hút khách hàng và tạo dựng thương hiệu uy tín trên thị trường. Các chương trình, chiến dịch marketing đã mang lại hiệu quả tích cực, hỗ trợ tốt cho hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống bán lẻ.

Tận dụng lợi thế là thành viên của Tập đoàn Bảo Việt và các cổ đông lớn, Khối Ngân hàng Bán lẻ đã thúc đẩy hoạt động hợp tác kinh doanh để cung cấp sản phẩm dịch vụ cho cán bộ nhân viên tại các đơn vị thành viên của Tập đoàn và các cổ đông lớn như Chứng khoán Bảo Việt, Bảo hiểm Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ, Đầu tư Bảo Việt, Quản lý Quỹ Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt, CMC, HIPT, Vinamilk ... Bên cạnh khai thác khách hàng nội bộ, Khối Ngân hàng Bán lẻ cũng thúc đẩy hoạt động kinh doanh bằng cách chủ động hợp tác với đối tác là các doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán, bất động sản, kinh doanh ô tô, xe máy, hàng tiêu dùng... để cung cấp các sản phẩm tiền gửi, cho vay, bảo hiểm, chứng khoán, thẻ, ngân hàng điện tử. Số lượng đối tác hợp tác ngày càng tăng mạnh; chất lượng hợp tác được giữ vững, ổn định trên cơ sở các bên cung cấp dịch vụ cho nhau, khai thác tối đa tiềm năng của từng đối tác.





NGÂN HÀNG DOANH NGHIỆP



Năm 2010, trong bối cảnh môi trường kinh doanh nhiều biến động và nhiệm vụ đầy thách thức, một mặt phải xây dựng nền tảng vững vàng, cơ cấu tổ chức chuẩn mực; mặt khác phải đẩy nhanh tăng trưởng để tạo hiệu quả kinh doanh cho ngân hàng, Khối Ngân hàng Doanh nghiệp đã triển khai quyết liệt công tác kinh doanh và đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đến 31.12.2010, BAOVIET Bank đã có 660 khách hàng doanh nghiệp, tăng gần gấp 4 lần so với năm 2009, đạt 132% Kế hoạch; Huy động vốn đạt 5.797 tỷ đồng, tăng 88% so với năm 2009, đạt 103% kế hoạch; Dự nợ tín dụng đạt 4.617 tỷ đồng, gấp 2.5 lần so với năm 2009 và đạt 107% Kế hoạch. Doanh số Bancassurance đạt 7.374 tỷ đồng, tăng 18 lần so với năm 2009 và đạt 183% kế hoạch; Doanh số Thanh toán quốc tế đạt 2.166 tỷ đồng, tăng hơn 4 lần so với năm 2009 và đạt 108% Kế hoạch.

| Chi tiêu | Thực hiện 2009 | Kế hoạch 2010 | Thực hiện 2010 | Tăng trưởng so với 2009 | Thực hiện so với KH 2010 |
|----------------------------|----------------|---------------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| Số lượng KH (CIF) | 184 | 500 | 660 | 359% | 132% |
| Huy động vốn (tr. đ) | 3.096.047 | 5.604.000 | 5.796.527 | 188% | 103% |
| Tín dụng (tr. đ) | 1.782.834 | 4.314.000 | 4.616.997 | 259% | 107% |
| Bancassurance (tr. đ) | 398 | 4.027 | 7.374 | 1853% | 183% |
| Tài trợ Thương mại (tr. đ) | 514.000 | 2.000.000 | 2.166.000 | 421% | 108% |

CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN

Huy động vốn được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2010. Khối Ngân hàng Doanh nghiệp đặc biệt quan tâm đến các nhóm khách hàng có thể mạnh về vốn, trước hết là các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bảo Việt và các cổ đông của Ngân hàng, sau đó là các tập đoàn kinh tế mạnh thuộc các ngành Bảo hiểm, Quản lý Quỹ, Điện lực, Viễn thông, Bất động sản để triển khai tiếp thị. Đối với từng nhóm khách hàng mục tiêu, Khối Ngân hàng Doanh nghiệp thiết kế các sản phẩm, giải pháp huy động vốn phù hợp như Tài khoản sinh lời tối ưu, Quản lý tài khoản tập trung, quản lý dòng tiền gắn với cấp hạn mức tín dụng, ... để tạo ra sự hấp dẫn của các sản phẩm tiền gửi đối với khách hàng.

Tín dụng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo doanh thu, là chìa khóa để xây dựng cơ sở khách hàng và phát triển các dịch vụ ngân hàng khác như bảo lãnh, thanh toán quốc tế, huy động vốn, thế, ... Trong năm 2010, Khối Ngân hàng Doanh nghiệp tiếp tục duy trì chính sách phát triển tín dụng đa ngành, trong đó đặc biệt quan tâm đến các doanh nghiệp lớn, có thứ hạng cao (về thương hiệu, quy mô, khả năng sinh lời và năng lực cạnh tranh) trong từng ngành, trên từng địa phương để có kế hoạch tiếp thị và chăm sóc khách hàng phù hợp. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoặc mới thành lập, tài sản đảm bảo quan tâm nhiều hơn theo nguyên tắc đánh giá được giá trị, có tính thanh khoản và có khả năng định đoạt khi xử lý nợ.

Khối Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có các chương trình, chính sách ưu đãi về lãi suất, thủ tục và tài sản đảm bảo đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn ưu tiên như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, có nguồn thu ngoại tệ, có nguồn tiền gửi thanh toán lớn hoặc sử dụng đa dạng dịch vụ ngân hàng. Là một ngân hàng mới thành lập, BAOVIET Bank cũng tích cực tham gia các dự án đồng tài trợ với các ngân hàng lớn, có bề dày kinh nghiệm trong hoạt động tài trợ dự án với mục tiêu tăng cường quảng bá thương hiệu, tăng cơ hội tiếp cận các dự án lớn và khả năng liên kết với các ngân hàng bạn trong việc khai thác, bán chéo các sản phẩm là thế mạnh của BAOVIET Bank như Bancassurance ...

Đối với các sản phẩm tín dụng truyền thống như tài trợ vốn lưu động, tài trợ thương mại, tài trợ dự án, Ngân hàng thường xuyên rà soát, cải tiến quy trình, đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ Quan hệ khách hàng nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, các sản phẩm mới, đặc thù như Cho vay mua ô tô doanh nghiệp hay Bao thanh toán cũng đã được nghiên cứu, phát triển để phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng doanh nghiệp.

Để phục vụ cho xây dựng chiến lược kinh doanh và quản lý rủi ro, hệ thống các báo cáo phân tích ngành kinh tế của BAOVIET Bank đã được phát triển bao gồm 19 trên tổng số 40 nhóm ngành trong nền kinh tế. Ngoài ra, hệ thống này còn cung cấp các kiến thức cần thiết cho đội ngũ quan hệ khách hàng trong quá trình phân loại và xác định khách hàng mục tiêu; cũng như tạo ra một cách nhìn thống nhất về rủi ro đối với từng ngành cụ thể từ bộ phận bán hàng đến bộ phận phê duyệt tín dụng, giúp quá trình thẩm định khách hàng được trôi chảy, thông suốt và nhanh chóng.

Là thành viên của Tập đoàn Bảo Việt, mục tiêu chiến lược của BAOVIET Bank là cung cấp các dịch vụ tài chính bảo hiểm trọn gói. Khối Ngân hàng Doanh nghiệp tập trung cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho khách hàng thông qua hoạt động tín dụng; gắn việc mua bảo hiểm của BAOVIET Bank với các điều kiện cấp tín dụng; luôn luôn cập nhật và theo sát lịch đáo hạn hợp đồng bảo hiểm của các khách hàng hiện tại để kịp thời cung cấp sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Bộ máy quản lý Bancassurance chuyên trách tại Hội sở chính đã được xây dựng để hỗ trợ các Đơn vị kinh doanh về sản phẩm, nghiệp vụ bán hàng, phương án phối hợp với Bảo hiểm Bảo Việt, cơ chế thù lao, hoa hồng và các chương trình thi đua, khen thưởng nhằm thúc đẩy việc bán bảo hiểm trong toàn hệ thống.

Phát triển các dịch vụ ngân hàng khác như bảo lãnh, tài trợ thương mại, chuyển tiền, trả lương, thế, ... cũng được chú trọng ngay khi phát triển khách hàng vay vốn. Khối Ngân hàng Doanh nghiệp một mặt thường xuyên quan tâm tới các doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu sử dụng đa dạng dịch vụ ngân hàng; mặt khác, không ngừng tăng cường chất lượng dịch vụ, thường xuyên rà soát cải tiến quy trình, phát triển các tiện ích, dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của khách hàng. Đội ngũ Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp cũng thường xuyên được tuyển dụng, đào tạo và sàng lọc để có kỹ năng bán hàng và thẩm định khách hàng tốt, có khẩu vị rủi ro phù hợp, đáp ứng yêu cầu của công tác phát triển kinh doanh.

Với việc được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối vào tháng 5/2010 và tới tháng 8/2010 mã giao dịch của BAOVIET Bank chính thức được Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên Ngân hàng Toàn cầu (SWIFT) chấp nhận và đi vào hoạt động, Khối Ngân hàng Doanh nghiệp đã đẩy mạnh công tác xây dựng, thiết lập quan hệ đại lý với các Định chế tài chính. Đến cuối năm 2010, BAOVIET Bank đã có quan hệ đại lý với 33 ngân hàng trong nước và 80 ngân hàng nước ngoài tại 46 quốc gia trên thế giới.





KINH DOANH TIỀN TỆ

Là một trong ba Khối kinh doanh trực tiếp tạo lợi nhuận cho Ngân hàng, mục tiêu xuyên suốt của Khối Kinh doanh Tiền tệ là tối ưu hóa khả năng sinh lời cho Ngân hàng với mức rủi ro cho phép trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thị trường trái phiếu và thị trường ngoại hối. Năm 2010, Khối Kinh doanh Tiền tệ đã đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý vốn tập trung, an toàn, hiệu quả và đảm bảo thanh khoản tốt cho toàn hệ thống. Đặc biệt trong dịp Tết Canh Dần và cuối năm tài chính 2010, trong khi nhiều ngân hàng phải ngừng giải ngân, BAOVIET Bank vẫn đảm bảo tính thanh khoản của hệ thống, tiếp tục giải ngân cho khách hàng tín dụng và là một trong số rất ít các ngân hàng có nguồn cung ứng ra thị trường vào những thời điểm này.
- Tạo được vị thế trên thị trường liên ngân hàng trong giao dịch gửi và nhận vốn. Thực hiện giao dịch với hầu hết các loại hình tổ chức tín dụng như ngân hàng thương mại nhà nước & cổ phần hóa, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính; đa dạng các hình thức kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao. Kết quả huy động vốn và gửi vốn trên thị trường liên ngân hàng vượt kế hoạch lần lượt là 51% và 3%.
- Tận dụng được các cơ hội kinh doanh vốn tại những thời điểm lãi suất cao, mang lại hiệu quả cho BAOVIET Bank. Tối ưu hóa việc sử dụng danh mục trái phiếu đáp ứng yêu cầu quản trị thanh khoản và góp phần giảm chi phí vốn cho ngân hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh.



Nhận thức được những khó khăn, thách thức trên thị trường tiền tệ trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt, trong năm 2011 Khối Kinh doanh Tiền tệ xác định chiến lược kinh doanh “năng động, linh hoạt” để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý tập trung nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản, phát triển kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội từ những biến động trên thị trường để đem lại hiệu quả tối ưu cho ngân hàng.

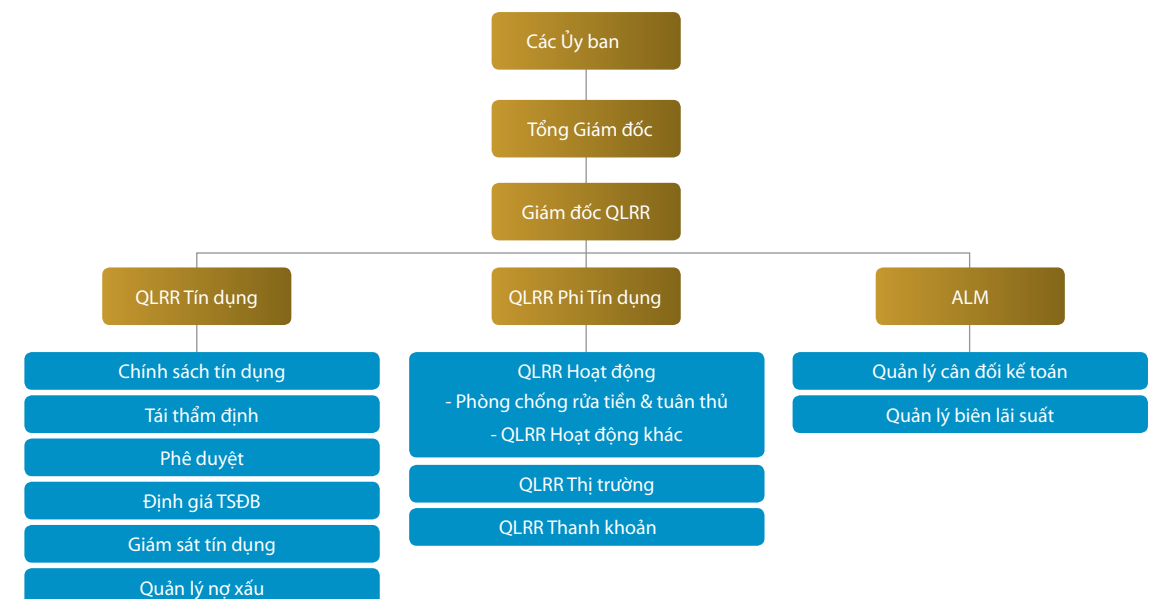
- Đáp ứng nhu cầu ngoại tệ của khách hàng từ việc cân đối cung, cầu trên toàn hệ thống và liên ngân hàng. Phối hợp và kết nối nhu cầu mua, bán ngoại tệ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên BVI, BVLIFE, BVF để thanh toán ra nước ngoài trong điều kiện thị trường khó khăn. Ứng dụng thêm các sản phẩm kinh doanh ngoại hối như SWAP tạo thêm sự đa dạng trong sản phẩm và hiệu quả cho Ngân hàng.
- Năm bắt tốt cơ hội đầu tư trái phiếu TPCP vào thời điểm lãi suất ở mức hấp dẫn nhất cũng như đầu tư thành công vào TPDN; tạo lập quan hệ với hầu hết các định chế tài chính có hoạt động kinh doanh trái phiếu trên thị trường.
- Hoạt động kinh doanh trái phiếu, repo được đẩy mạnh và đem lại hiệu quả đáng khích lệ. Trao đổi thông tin về thị trường trái phiếu với Tập

đoàn và các công ty thành viên định kỳ. Kết hợp được sức mạnh của các công ty thành viên trong Tập đoàn để tạo vị thế thương hiệu Bảo Việt trên thị trường trái phiếu.

- Trở thành thành viên thị trường giao dịch trái phiếu chuyên biệt và thành viên trực tiếp được tham gia bảo lãnh phát hành TPCP.
- Tích cực huy động vốn từ các định chế tài chính (Bảo hiểm, chứng khoán, ...) và các khách hàng doanh nghiệp lớn với lãi suất cạnh tranh, góp phần đáng kể vào sứ mệnh hoàn thành kế hoạch chung của ngân hàng. Đến 31.12.2010, nguồn huy động do Khối Kinh doanh Tiền tệ quản lý là 3.649 tỷ, chiếm 50% tổng tiền gửi huy động từ thị trường I của toàn ngân hàng và vượt 46% so với kế hoạch.



BAOVIET Bank chú trọng tạo lập ý thức thận trọng về quản lý rủi ro (QLRR), phát triển kỹ năng nhận biết và phân tích về mọi vấn đề liên quan đến các loại rủi ro đối với tất cả các nhà quản lý, thường xuyên xem xét lại hoạt động để đánh giá chiến lược và rủi ro trong từng công việc và chức năng. BAOVIET Bank triển khai Hệ thống quản trị rủi ro thông qua một cơ cấu tổ chức bảo đảm sự độc lập giữa chức năng tạo lợi nhuận và chức năng quản lý rủi ro. Cấu trúc quản lý rủi ro của BAOVIET Bank bao gồm Hội đồng QLRR, Ủy ban Tín dụng, Ủy ban ALCO có sự tham gia của các thành viên HĐQT, Khối Quản lý rủi ro (dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc) với các chức năng Quản lý rủi ro Tín dụng, Rủi ro Tác nghiệp, Rủi ro Thị trường và Rủi ro Thanh khoản. Khối QLRR chịu trách nhiệm về việc đề xuất các chính sách, công cụ quản lý các loại rủi ro trong ngân hàng.



RỦI RO TÍN DỤNG

- Quản lý tập trung rủi ro tín dụng tạo sự nhất quán giữa định hướng phát triển kinh doanh/khách hàng với định hướng/chính sách về quản lý rủi ro.
- Thực hiện quản lý danh mục tín dụng thông qua đánh giá phân tích đối với các lĩnh vực tập trung rủi ro, thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà BAOVIET Bank có thể chấp nhận.
- Triển khai hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với Khách hàng doanh nghiệp, Khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh.
- Xây dựng và ban hành các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn về hoạt động tín dụng từ khâu tiếp thị, phát triển/thẩm định khách hàng đến phê duyệt và quản lý khoản tín dụng sau phê duyệt; đồng thời áp dụng và phát triển các phần mềm quản lý (corebanking T24) và các ứng dụng khác để hỗ trợ các bộ phận trong quá trình quản lý khoản vay.
- Thực hiện quản lý và giám sát tín dụng thông qua các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc trọng điểm nội dung hồ sơ tín dụng, kiểm tra trực tiếp khách hàng và Tài sản đảm bảo (TSĐB), đồng thời thường xuyên rà soát đánh giá về các sản phẩm tín dụng đã ban hành.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

BAOVIET Bank đã xây dựng và ban hành các chính sách, quy định, xác định các công cụ đo lường và quản lý rủi ro thị trường cần thiết:

- Chính sách cân bằng về ngoại tệ của nguồn vốn và sử dụng vốn ở mức hợp lý với hạn mức được thiết lập trong ngày, tuần, tháng, quý.
- Quản lý trạng thái ngoại hối và quản lý vốn tập trung tại Hội sở nhằm đưa ra chính sách điều chỉnh ngoại tệ, lãi suất và thanh khoản phù hợp và kịp thời trong từng thời kỳ.
- Hệ thống hạn mức cho quản trị rủi ro ngoại hối theo mô hình giá trị rủi ro (Value of risk) đang được nghiên cứu để đưa vào ứng dụng.
- BAOVIET Bank đang chuẩn hóa dữ liệu, thực hiện thống kê và phân tích nguồn dữ liệu và thông tin nhằm phát triển các công cụ để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất bao gồm: Biểu đồ chênh lệch kỳ hạn tái định giá (repricing gap), thời lượng của tài sản nợ và tài sản có (duration), Hệ số nhạy cảm (factor sensitivity); tiến đến phát triển các công cụ đo lường rủi ro phức tạp hơn như PV01, VaR, EaR.

RỦI RO THANH KHOẢN

- BAOVIET Bank đã xây dựng và ban hành các chính sách, quy định về QLRR thanh khoản cùng với các công cụ và hệ thống báo cáo phục vụ việc đo lường và quản lý rủi ro thanh khoản (báo cáo GAP thanh khoản, Kế hoạch vốn thanh khoản dự phòng).
- Bước đầu duy trì các cuộc họp của Ủy ban ALCO nhằm đưa ra quyết sách đối với các vấn đề liên quan đến cơ cấu bảng cân đối tài sản, hạn mức đầu tư/kinh doanh Giấy tờ có giá, hạn mức rủi ro thanh khoản (hạn mức GAP thanh khoản, MCO), hạn mức giao dịch đối với các Định chế tài chính.
- Theo dõi và đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản theo quy định của NHNN; triển khai Thông tư 13 trong toàn hệ thống và xây dựng các công cụ để theo dõi, giám sát hàng ngày các chỉ tiêu, giới hạn tại quy định này.
- Triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của BAOVIET Bank đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép BAOVIET Bank giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

RỦI RO TÁC NGHIỆP

- BAOVIET Bank đã xây dựng được một hệ thống văn bản tương đối đầy đủ trên các mảng nghiệp vụ. Các quy trình nghiệp vụ luôn đảm bảo mọi giao dịch đăng nhập phải được kiểm soát bước 1 (có quy trình cần phải qua 2 bước kiểm soát). BAOVIET Bank cũng đã ban hành các quy định về việc quản lý truy cập hệ thống corebanking T24, về phòng chống rửa tiền, về QLRR trong hoạt động ngân hàng điện tử và về Quản lý rủi ro tác nghiệp.
- Trong năm 2010, BAOVIET Bank đã định hướng xây dựng khung QLRR tác nghiệp theo chuẩn Basel II nhằm tạo cơ sở về tổ chức, cơ chế quản lý – thông tin, thống nhất về quy trình QLRR tác nghiệp từ nhận diện rủi ro và phát triển công cụ đo lường và biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro và cơ chế quản lý và giám sát. Việc thành lập một bộ phận QLRR tác nghiệp độc lập thuộc Khối QLRR đã thể hiện nhận thức từ HĐQT và BĐH về tầm quan trọng và định hướng đúng đắn trong việc xây dựng và phát triển QLRR tác nghiệp, song song và đồng hành với phát triển kinh doanh.



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tiếp tục định hướng phát triển dựa trên sự chuẩn mực trong tổ chức vận hành và phát huy tối đa sức mạnh hỗ trợ của công nghệ, trong năm 2010 BAOVIET Bank đã tiếp tục đầu tư có trọng điểm và triển khai thành công nhiều cấu phần bổ sung cho các hệ thống phần mềm nghiệp vụ nền tảng (Core Banking, Financial Switching & CMS, ...) cũng như các hệ thống thông tin hỗ trợ:

- Phần mềm FTP (Tính giá điều chuyển vốn nội bộ) được hoàn thành và đưa vào sử dụng đã trở thành công cụ đánh giá và điều phối hữu hiệu hoạt động kinh doanh của từng đơn vị trong toàn hệ thống.

- Nhiều tính năng của Ngân hàng điện tử (SMS Banking, Internet Banking, Mobile Banking, Phone Banking,...) được bổ sung và hoàn thiện, cho phép BAOVIET Bank có thể đưa ra thị trường những sản phẩm, dịch vụ có tính cạnh tranh cao, có nhiều tiện ích cho khách hàng đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.

- Các hệ thống Kho dữ liệu (Datawarehouse), Quản trị quá trình nghiệp vụ (Business Process Management), ... được tiếp tục triển khai cho phép nâng cao tính chuẩn mực và hiệu quả xử lý công việc của các bộ phận nghiệp vụ.

Trong năm 2011, BAOVIET Bank sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho phát triển công nghệ ngân hàng, bao gồm công nghệ nền và các ứng dụng để đáp ứng yêu cầu quản trị ngân hàng, phát triển và đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm ngân hàng điện tử.

- Việc kết nối thành công với các hệ thống CNTT của các đơn vị khác trong Tập đoàn Bảo Việt đã mang lại những hiệu quả thiết thực trong việc bán chéo sản phẩm, cung cấp những bộ sản phẩm trọn gói "Tài chính - Đầu tư - Bảo hiểm", từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển "siêu thị tài chính" đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của các nhóm khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.



TÁC NGHIỆP TẬP TRUNG

Mô hình quản lý tập trung của BAOVIET Bank thể hiện rõ ở việc thực hiện các chức năng tác nghiệp tập trung cho cả hệ thống tại Hội sở chính bao gồm Tác nghiệp Thanh toán (trong nước và quốc tế), Tác nghiệp Tài trợ thương mại, Tác nghiệp Thẻ, Tác nghiệp Kinh doanh tiền tệ và Tác nghiệp tín dụng. Với mô hình tác nghiệp tập trung tại Hội sở chính, cơ cấu chi nhánh của BAOVIET Bank được tinh giản, gọn nhẹ giúp kế hoạch phát triển mạng

lưới được triển khai nhanh chóng, thuận lợi, góp phần mở rộng quy mô hoạt động của BAOVIET Bank, tạo vị thế cạnh tranh cho ngân hàng trong cuộc đua khốc liệt giữa các Ngân hàng thương mại trong nước. Mô hình này đã được triển khai ngay từ những ngày đầu thành lập đã và đang cho thấy hiệu quả rõ rệt theo định hướng mà Ban lãnh đạo BAOVIET Bank đề ra.



Trong năm 2011, với quyết tâm phát triển mô hình quản lý tập trung, Khối Tác nghiệp sẽ tiếp tục kiện toàn mô hình và bộ máy nhân sự, đảm bảo thực hiện hiệu quả hoạt động nghiệp vụ, làm nền tảng sự phát triển nhanh chóng và vững mạnh của BAOVIET Bank.

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động năm 2010, Khối Tác nghiệp đã ban hành và triển khai hiệu quả các quy trình tác nghiệp tập trung đối với các nghiệp vụ ngân hàng, đảm bảo quá trình tác nghiệp nhanh chóng, thông suốt và tuân thủ các quy định của BAOVIET Bank và Ngân hàng Nhà nước. Ngoài nhiệm vụ tác nghiệp theo yêu cầu của các đơn vị kinh doanh, các đơn vị tác nghiệp tại Hội sở chính đã trực tiếp hướng dẫn, tư vấn, đề xuất các giải pháp, phương án nhằm giảm thiểu rủi ro cho các đơn vị kinh doanh và khách hàng trong quá trình sử dụng các sản phẩm của BAOVIET Bank; tiến hành các khóa đào tạo về nghiệp vụ cho các chi nhánh để đảm bảo thực hiện theo đúng quy chuẩn tác nghiệp theo quy định của BAOVIET Bank và pháp luật hiện hành.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Với quan điểm con người là nguồn lực quan trọng tạo ra sự phát triển, trong năm 2010 BAOVIET Bank đã chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực với những kết quả và giải pháp cơ bản như sau:

- Tập trung vào công tác tuyển dụng để bổ sung nhân sự cho các vị trí chủ chốt nhằm kiện toàn bộ máy tại Hội sở chính và đáp ứng yêu cầu nhân lực cho việc mở rộng phát triển mạng lưới. Số lượng nhân sự của BAOVIET Bank đến cuối năm 2010 đã tăng hơn gấp hai lần so với năm 2009.
- Xây dựng chức năng nhiệm vụ, chính sách và quy trình làm việc cho từng Khối, Ban, Phòng tại Hội sở chính và các Đơn vị kinh doanh. Triển khai xây dựng hệ thống bản mô tả công việc đối với từng chức danh công việc.
- Xây dựng trang thiết bị cơ sở vật chất cho đào tạo tại hai khu vực phía Bắc – tại Hà Nội và phía Nam – tại TP. HCM. Triển khai được nhiều khóa đào tạo trên toàn hệ thống bao gồm đào tạo hội nhập cho nhân viên mới, chú trọng đào tạo kỹ năng bán hàng, dịch vụ khách hàng cũng như đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ tại Hội sở và chi nhánh.



Trong bối cảnh sự cạnh tranh về nhân sự giữa các ngân hàng (cả trong và ngoài nước) ngày càng gia tăng, BAOVIET Bank quyết tâm thực hiện thành công chiến lược nhân sự của mình, phấn đấu xây dựng một môi trường làm việc hấp dẫn với người lao động trên tất cả các mặt văn hóa doanh nghiệp, cơ chế đãi ngộ và cơ hội thăng tiến.

- Xây dựng chính sách tiền lương cạnh tranh so với các Ngân hàng thương mại dựa trên hiệu quả làm việc của từng tập thể và cá nhân.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với cốt lõi là chuẩn mực. Với đội ngũ nhân viên trên 80% là trẻ, năng động, nhiệt huyết và sáng tạo, BAOVIET Bank đã và đang tập trung để xây dựng một môi trường làm việc mang tính cạnh tranh, chuyên nghiệp để các cán bộ, nhân viên phát huy hết khả năng sáng tạo và đóng góp của mình.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TẠI HÀ NỘI

→ BAOVIET Bank Hội sở chính

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Việt,
Số 08 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm
Điện thoại: 84 - 4 - 3928 8989
Fax: 84 - 4 - 3928 8899

→ BAOVIET Bank Sở Giao dịch

Địa chỉ: Tòa nhà CMC, phố Duy Tân,
phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Điện thoại: 84 - 4 - 3795 8606
Fax: 84 - 4 - 3795 8608

→ BAOVIET Bank Hoàn Kiếm

Địa chỉ: Số 07 Lý Thường Kiệt,
quận Hoàn Kiếm
Điện thoại: 84 - 4 - 3933 5707
Fax: 84 - 4 - 3933 5687

→ BAOVIET Bank Bà Triệu

Địa chỉ: Số 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm
Điện thoại: 84 - 4 - 3944 8657
Fax: 84 - 4 - 3944 8658

→ BAOVIET Bank Văn Miếu

Địa chỉ: Số 71 Ngô Sỹ Liên, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3732 6506
Fax: 84 - 4 - 3732 6508

→ BAOVIET Bank Mỹ Đình

Địa chỉ: Số 08 đường Nguyễn Cơ Thạch,
huyện Từ Liêm
Điện thoại: 84 - 4 - 3763 3176 / 77
Fax: 84 - 4 - 3763 3178

→ BAOVIET Bank Đào Tấn

Địa chỉ: Số 14 Đào Tấn,
phường Cống Vị, quận Ba Đình
Điện thoại: 84 - 4 - 3211 5400/ 01
Fax: 84 - 4 - 3211 5402

→ BAOVIET Bank Trung Hòa

Địa chỉ: Số 03 lô 4A, KĐT Trung Yên,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy
Điện thoại: 84 - 4 - 3783 4704/ 05
Fax: 84 - 4 - 3783 4706

→ BAOVIET Bank Tôn Đức Thắng

Địa chỉ: Số 245 Tôn Đức Thắng,
phường Hàng Bột, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3513 4264/ 65
Fax: 84 - 4 - 3513 4263

→ BAOVIET Bank Hoàng Cầu

Địa chỉ: Số 07/100 Hoàng Cầu
phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3513 4356
Fax: 84 - 4 - 3513 4358

→ BAOVIET Bank Hà Nội

Địa chỉ: Số 08 Phạm Ngọc Thạch
phường Kim Liên, quận Đống Đa
Điện thoại: 84 - 4 - 3574 7666
Fax: 84 - 4 - 3574 7136

→ BAOVIET Bank Trần Xuân Soạn

Địa chỉ: Số 38 Trần Xuân Soạn,
phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng
Điện thoại: 84 - 4 - 3933 5707
Fax: 84 - 4 - 3933 5687

TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

→ BAOVIET Bank Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Việt
Số 233 Đồng Khởi, quận 1
Điện thoại: 84 - 8 - 3824 5303
Fax: 84 - 8 - 3822 7481

→ BAOVIET Bank Sài Gòn

Địa chỉ: Số 1119 Trần Hưng Đạo, quận 5
Điện thoại: 84 - 8 - 3924 6365
Fax: 84 - 8 - 3924 6366

→ BAOVIET Bank Nguyễn Văn Cừ

Địa chỉ: Số 146 Nguyễn Văn Cừ, quận 1
Điện thoại: 84 - 8 - 3836 0660
Fax: 84 - 8 - 3836 0663

→ BAOVIET Bank Lạc Long Quân

Địa chỉ: Số 694 Lạc Long Quân,
quận Tân Bình
Điện thoại: 84 - 8 - 3975 5871
Fax: 84 - 8 - 3975 5872

→ BAOVIET Bank Hàng Xanh

Địa chỉ: Số 265 Xô Viết Nghệ Tĩnh,
phường 10, quận Bình Thạnh
Điện thoại: 84 - 8 - 3551 5234
Fax: 84 - 8 - 3551 5224

→ BAOVIET Bank Quang Trung

Địa chỉ: Số 388 Quang Trung,
quận Gò Vấp
Điện thoại: 84 - 8 - 3921 2325/24
Fax: 84 - 8 - 3921 2322

→ BAOVIET Bank Cộng Hòa

Địa chỉ: Số 94 Cộng Hòa, quận Tân Bình
Điện thoại: 84 - 8 - 3948 2252/53
Fax: 84 - 8 - 3948 2254

→ BAOVIET Bank Phú Lâm

Địa chỉ: Số 110-112 Kinh Dương Vương,
phường 13, quận 6
Điện thoại: 84 - 8 - 3817 0730/31
Fax: 84 - 8 - 3817 0729

→ BAOVIET Bank Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ: Số D1-07, Lô R19-1, Mỹ Toàn 3
phường Tân Phong, quận 7
Điện thoại: 84 - 8 - 5410 4771 / 72
Fax: 84 - 8 - 5410 4770

→ BAOVIET Bank An Đông

Địa chỉ: Số 97J Nguyễn Duy Dương
phường 9, quận 5
Điện thoại: 84 - 8 - 3830 0809
Fax: 84 - 8 - 3830 0988

TẠI CẦN THƠ

→ BAOVIET Bank Cần Thơ

Địa chỉ: Số 90-92 Trần Văn Khéo,
phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
Điện thoại: 84 - 0710 - 3760 770
Fax: 84 - 0710 - 3760 775

TẠI HẢI PHÒNG

→ BAOVIET Bank Hải Phòng

Địa chỉ: Số 99 Bạch Đằng,
phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng
Điện thoại: 84 - 031 - 3529 966 / 86
Fax: 84 - 031 - 3529 788

→ BAOVIET Bank Trần Nguyên Hãn

Địa chỉ: Số 280 Trần Nguyên Hãn,
quận Lê Chân
Điện thoại: 84 - 031 - 3529 966/86
Fax: 84 - 031 - 3529 788

TẠI NGHỆ AN

→ BAOVIET Bank Nghệ An

Địa chỉ: Số 105 Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Lê Mao, TP. Vinh
Điện thoại: 84 - 38 - 3550 669
Fax: 84 - 38 - 3550 699

→ BAOVIET Bank Trường Thi

Địa chỉ: Số 87 Nguyễn Văn Cừ,
phường Trường Thi, TP. Vinh
Điện thoại: 84 - 38 - 3550 656 / 67
Fax: 84 - 38 - 3550 665

→ BAOVIET Bank Bến Thủy

Địa chỉ: Số 180 Nguyễn Du,
phường Bến Thủy, TP. Vinh
Điện thoại: 84 - 38 - 3550 626
Fax: 84 - 38 - 3550 828

TẠI ĐÀ NẴNG

→ BAOVIET Bank Đà Nẵng

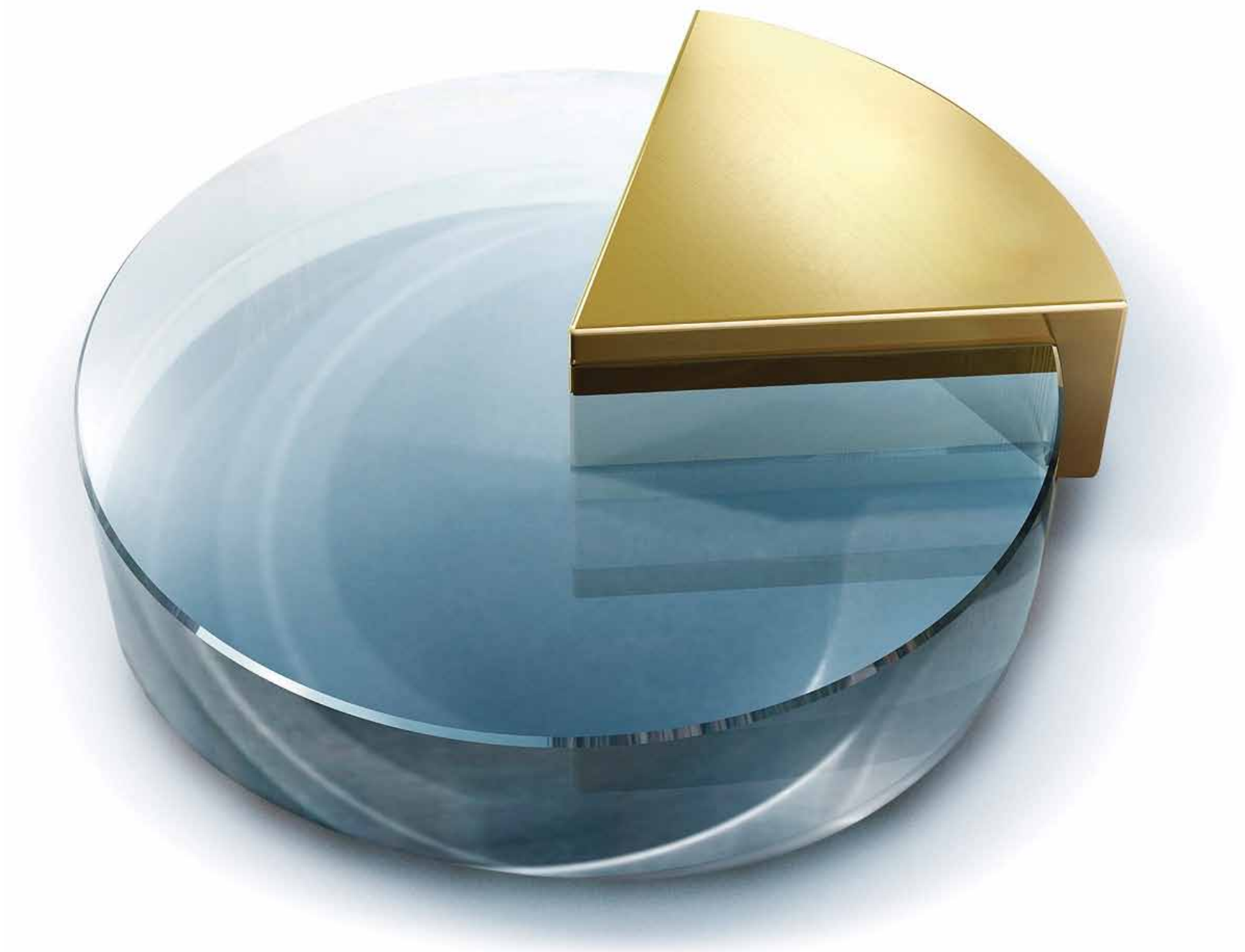
Địa chỉ: Số 86-88 Nguyễn Văn Linh,
phường Nam Dương, quận Hải Châu
Điện thoại: 84 - 0511 - 353 8688
Fax: 84 - 0511 - 353 9988

TẠI ĐẮK LẮK

→ BAOVIET Bank Đắk Lắk

Địa chỉ: Số 26 Lê Thánh Tông,
phường Thắng Lợi, TP. Buôn Mê Thuột
Điện thoại: 84 - 500 - 3989 989
Fax: 84 - 500 - 3939 989

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



*Thành công chỉ đến khi bạn làm việc tận tâm
và luôn nghĩ đến những điều tốt đẹp.*



Arnold Schwarzenegger

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam mà từ đó bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt (“các báo cáo tài chính tóm tắt”) kèm theo đã được lập ra. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi được lập vào ngày 28 tháng 02 năm 2011 đã đưa ra ý kiến là các báo cáo tài chính mà từ đó các báo cáo tài chính tóm tắt đã được lập, đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo đã phù hợp và nhất quán với các báo cáo tài chính mà từ đó các báo cáo tài chính tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính tóm tắt phải được xem xét cùng với các báo cáo tài chính mà từ đó các báo cáo tài chính tóm tắt này đã được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán tương ứng.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Chứng chỉ số: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2011



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Chứng chỉ số: 0923/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | 31/12/2010 đồng | 31/12/2009 đồng |
|--|---------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 122.623.520.804 | 32.183.579.905 |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) | 238.513.449.731 | 195.829.359.746 |
| Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác | 4.355.565.558.413 | 3.643.677.486.369 |
| Tiền, vàng gửi tại TCTD khác | 3.827.956.708.413 | 3.083.948.244.969 |
| Cho vay các TCTD khác | 529.397.600.000 | 562.576.960.000 |
| Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác | (1.788.750.000) | (2.847.718.600) |
| Chứng khoán kinh doanh | 674.416.600.000 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 674.416.600.000 | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | - | - |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | - | - |
| Cho vay khách hàng | 5.581.744.627.368 | 2.250.149.842.704 |
| Cho vay khách hàng | 5.615.167.793.498 | 2.255.568.630.293 |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | (33.423.166.130) | (5.418.787.589) |
| Chứng khoán đầu tư | 2.288.627.529.102 | 949.066.441.037 |
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | 2.288.627.529.102 | 949.066.441.037 |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư | - | - |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | - | - |
| Đầu tư vào công ty con | - | - |
| Vốn góp liên doanh | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết | - | - |
| Đầu tư dài hạn khác | - | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | - | - |
| Tài sản cố định | 80.699.211.213 | 47.587.936.017 |
| Tài sản cố định hữu hình | 39.077.726.995 | 24.201.875.337 |
| Nguyên giá tài sản cố định | 49.091.411.513 | 27.256.803.713 |
| Hao mòn tài sản cố định | (10.013.684.518) | (3.054.928.376) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | - | - |
| Nguyên giá tài sản cố định | - | - |
| Hao mòn tài sản cố định | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 41.621.484.218 | 23.386.060.680 |
| Nguyên giá tài sản cố định | 54.576.428.857 | 28.868.042.468 |
| Hao mòn tài sản cố định | (12.954.944.639) | (5.481.981.788) |
| Bất động sản đầu tư | - | - |
| Nguyên giá bất động sản đầu tư | - | - |
| Hao mòn bất động sản đầu tư | - | - |
| Tài sản có khác | 375.680.623.865 | 151.260.583.764 |
| Các khoản phải thu | 126.850.737.779 | 17.350.725.132 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 221.219.881.335 | 124.729.171.908 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | - | - |
| Tài sản Có khác | 27.610.004.751 | 9.180.686.724 |
| Trong đó: Lợi thế thương mại | - | - |
| Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | - | - |
| TỔNG TÀI SẢN | 13.717.871.120.496 | 7.269.755.229.542 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | 31/12/2010 đồng | 31/12/2009 đồng |
|---|---------------------------|--------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | | |
| Các khoản nợ Chính phủ và NHNN | 1.593.235.333.373 | 420.798.732.663 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 3.019.960.785.943 | 1.709.021.432.606 |
| Tiền gửi của các TCTD khác | 3.019.960.785.943 | 1.709.021.432.606 |
| Vay các TCTD khác | - | - |
| Tiền gửi của khách hàng | 7.291.211.679.405 | 3.514.340.257.846 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác | - | - |
| Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | - | - |
| Phát hành giấy tờ có giá | - | - |
| Các khoản nợ khác | 165.592.643.276 | 62.486.793.925 |
| Các khoản lãi, phí phải trả | 95.170.024.486 | 38.934.842.065 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | - | - |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 66.677.611.326 | 23.021.228.948 |
| Dự phòng rủi ro khác | 3.745.007.464 | 530.722.912 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ | 12.070.000.441.997 | 5.706.647.217.040 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 1.647.870.678.499 | 1.563.108.012.502 |
| Vốn và các quỹ | 1.528.365.919.714 | 1.509.150.661.813 |
| Vốn của TCTD | 1.500.000.000.000 | 1.500.000.000.000 |
| Vốn điều lệ | 1.500.000.000.000 | 1.500.000.000.000 |
| Vốn đầu tư XDCB | - | - |
| Thặng dư vốn cổ phần | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Vốn khác | - | - |
| Quỹ của TCTD | 28.365.919.714 | 9.150.661.813 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | - | - |
| Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế | 119.504.758.785 | 53.957.350.689 |
| TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 13.717.871.120.496 | 7.269.755.229.542 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 31/12/2010 đồng | 31/12/2009 đồng |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn | | |
| Bảo lãnh vay vốn | - | - |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 234.468.403.536 | 158.727.549.353 |
| Bảo lãnh khác | 81.382.221.188 | 15.948.831.827 |
| Các cam kết đưa ra | - | - |
| Cam kết tài trợ cho khách hàng | - | - |
| Cam kết khác | - | - |
| | 315.850.624.724 | 174.676.381.180 |

Phê duyệt bởi:



Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Vũ Thục Quyên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | Năm 2010 đồng | Năm 2009 đồng |
|--|--------------------------|-------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 920.720.951.902 | 351.806.966.712 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự | (632.649.507.831) | (188.107.295.381) |
| THU NHẬP LÃI THUẦN | 288.071.444.071 | 163.699.671.331 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 15.833.714.048 | 2.789.620.472 |
| Chi phí hoạt động dịch vụ | (5.546.370.401) | (1.292.449.919) |
| Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | 10.287.343.647 | 1.497.170.553 |
| Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 13.111.279.638 | 114.949.978 |
| Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 43.993.322.604 | (29.487.706) |
| Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 702.397.011 | - |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 1.006.361.338 | 71.662.046 |
| Chi phí hoạt động khác | (483.362.995) | (32.372.198) |
| Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác | 522.998.343 | 39.289.848 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | - | - |
| TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG | 356.688.785.314 | 165.321.594.004 |
| Chi phí tiền lương | (62.209.575.963) | (32.968.069.187) |
| Chi phí khấu hao và khấu trừ | (14.431.718.993) | (8.536.910.164) |
| Chi phí hoạt động khác | (73.195.769.185) | (38.524.824.943) |
| CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | (149.837.064.141) | (80.029.804.294) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 206.851.721.173 | 85.291.789.710 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (30.159.694.493) | (8.797.229.101) |
| TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ | 176.692.026.680 | 76.494.560.609 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | (44.173.006.670) | (13.386.548.107) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - |
| Chi phí thuế TNDN | (44.173.006.670) | (13.386.548.107) |
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ | 132.519.020.010 | 63.108.012.502 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 884 | 421 |

Phê duyệt bởi:



Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Vũ Thục Quyên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | 2010 đồng | 2009 đồng |
|---|--------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được | 824.214.117.479 | 233.786.155.069 |
| Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả | (576.784.984.513) | (155.880.813.581) |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được | 10.287.343.647 | 1.497.170.553 |
| Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ | 57.806.999.253 | 85.462.272 |
| Thu nhập khác | 542.467.214 | 39.289.848 |
| Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro | - | - |
| Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ | (124.867.182.318) | (63.833.820.492) |
| Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ | (48.523.879.208) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động | 142.674.881.554 | 15.693.443.669 |
| Những thay đổi về tài sản hoạt động | | |
| (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác | 763.179.360.000 | (1.842.576.960.000) |
| (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán | (2.013.977.688.065) | (949.066.441.037) |
| (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | - | - |
| (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng | (3.359.599.163.205) | (2.395.568.630.293) |
| Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn) | (261.969.551.779) | (26.531.411.856) |
| (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động | - | - |
| Những thay đổi về công nợ hoạt động | | |
| Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN | 1.172.436.600.710 | 420.798.732.663 |
| Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD | 1.310.939.353.337 | 1.709.021.432.606 |
| Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN) | 3.776.871.421.559 | 3.514.340.257.846 |
| Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính) | - | - |
| Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | - | - |
| Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | - | 1.975.607.203 |
| Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động | 169.472.229.846 | - |
| Chi từ các quỹ của TCTD | 607.773.330 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.700.635.217.287 | 448.086.030.801 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | |
| Mua sắm tài sản cố định | (48.502.722.959) | (56.124.846.181) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | - |
| Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | - |
| Mua sắm bất động sản đầu tư | - | - |
| Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư | - | - |
| Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư | - | - |
| Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | - | - |
| Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác | - | - |
| Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (48.502.722.959) | (56.124.846.181) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | 2010 đồng | 2009 đồng |
|---|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Tăng vốn điều lệ/cổ phần từ góp vốn mới và/hoặc phát hành cổ phiếu | - | 1.500.000.000.000 |
| Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | - | - |
| Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác | - | - |
| Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia | (45.000.000.000) | - |
| Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ | - | - |
| Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | (45.000.000.000) | 1.500.000.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 1.607.132.494.328 | 1.891.961.184.620 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ | 1.891.961.184.620 | - |
| Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá | - | - |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ | 3.499.093.678.948 | 1.891.961.184.620 |

Phê duyệt bởi:



Phan Đào Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Vũ Thục Quyên
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép số 328/GP - NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”).

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài

trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, bảy (7) Chi nhánh chính tại các tỉnh và thành phố trên khắp cả nước.

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.500.000.000.000 đồng.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|--------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Phúc Lâm | Chủ tịch | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Ông Lê Trung Hưng | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Ông Trương Mộc Lâm (*) | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Ông Nguyễn Đăng Diệm | Ủy viên | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Bà Ngô Thị Thu Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Ông Dương Đức Chuyển | Ủy viên | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Ông Tôn Quốc Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |

(*) Không tham gia Hội đồng Quản trị kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 theo thông báo số 23/2010-TB-HĐQT ngày 29 tháng 12 năm 2010.

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|------------|--|
| Ông Lê Thanh Sơn | Trưởng ban | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Bà Lê Anh Phương | Thành viên | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Ông Trần Hoài Phương | Thành viên | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|--|---|
| Ông Phan Đào Vũ | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 |
| Ông Vũ Đức Nhuận | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 1 năm 2009 |
| Ông Tôn Quốc Bình | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin | Bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 1 năm 2009 |
| Ông Võ Văn Cường | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Tác nghiệp | Bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 1 năm 2009 |
| Ông Trần Xuân Quảng | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng bán lẻ | Bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 1 năm 2009 Miễn nhiệm vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 |
| Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ | Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 09 năm 2010 |
| Ông Nguyễn Hồng Tuấn | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Sở Giao dịch | Bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 1 năm 2009 |
| Ông Trương Văn Huỳnh | Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh | Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 1 năm 2010 |
| Bà Vũ Thục Quyên | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm vào ngày 2 tháng 11 năm 2009 |

Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt có trụ sở chính đặt tại số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, và bảy (7) chi nhánh chính tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 555 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 245 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

2.2 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam (“VNĐ”) được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Thay đổi trong chính sách kế toán

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

- Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Ngân hàng không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.
- Quĩ khen thưởng phúc lợi được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, trong năm Ngân hàng cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

2.5 Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.6 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã

được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau: Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

| Nhóm | Loại | Tỷ lệ dự phòng cụ thể |
|------|------------------------|-----------------------|
| 1 | Nợ đủ tiêu chuẩn | 0% |
| 2 | Nợ cần chú ý | 5% |
| 3 | Nợ dưới tiêu chuẩn | 20% |
| 4 | Nợ nghi ngờ | 50% |
| 5 | Nợ có khả năng mất vốn | 100% |

2.7 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua hần và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

2.8 Chứng khoán đầu tư

2.8.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hần với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hần trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản

tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

2.8.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi

nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

2.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp

đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2.12 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

| | |
|--|-----------|
| Máy tính | 4 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 8 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 4 năm |
| Thiết bị văn phòng | 4 - 8 năm |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn (*) theo thời hạn thuê | |
| Phần mềm máy tính | 5-10 năm |

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

2.13 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

2.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

2.15.1 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

2.15.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

2.16 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân

hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

2.17 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2.18 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6- Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 8. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán.

2.19 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Ngân hàng dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong kỳ.

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

2.20 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

2.20.1 Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và hợp đồng tương lai ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”.

2.20.2 Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, số

lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

2.21 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.22 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.23 Lợi ích của nhân viên

2.23.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

2.23.2 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

2.24 Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn với các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư

tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

2.25 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d);



HƯỚNG TỚI SỰ CHUẨN MỰC
AIM FOR A PREMIER BANKING





Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (04) 3928 8989, Fax: (04) 3928 8899
www.baovietbank.vn

SWIFT Code: [BVBVNVX](#)